TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-PT
Ngày 27-5-2020
"Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiến;
Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung và ông K'Tiêng;
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Ngọc Thanh – Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoà - Kiểm sát viên - tham gia phiên tòa.

Ngày 27-5-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLPT-HNGĐ, ngày 17-02-2020 về việc: ***"Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"***. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2019/HNGĐ-ST, ngày 19-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐ-PT, ngày 11-5-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Th– Có mặt;
Địa chỉ: Thôn 02, xã S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
- *Bị đơn:* Ông Bùi Xuân K– Có mặt;
Địa chỉ: Thôn 02, xã S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
Ông Nghiêm Đắc Ng– Có mặt;
Bà Nguyễn Thị V– Vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Thôn 14, xã S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
Ông Phạm Đình C– Có mặt;
Địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Bùi Xuân K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06-11-2018 nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày: Bà với ông Bùi Xuân K kết hôn với nhau từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết

hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông K thường xuyên đánh đập, xúc phạm bà và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông K.

Về con chung: Các con đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân tạo dựng được một số tài sản chung gồm: Diện tích đất 38.577m^2, thửa số 11, tờ bản đồ số 64 tọa lạc tại thôn 02, xã S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, theo giấy CNQSDĐ số BO 991647 cấp ngày 15/10/2013 đứng tên ông Bùi Xuân K và bà Trần Thị Th. Đối với diện tích 38.577m^2 bà và ông K thỏa thuận cho con trai là Bùi Quốc H 01 ha; phần diện tích còn lại chia đôi.

Đối với diện tích đất 1091m^2, thửa số 183, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại thôn 03, xã S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Tr năm 2015 theo giấy CNQSDĐ số BH 482090 cấp ngày 30/8/2012, diện tích đất này trong thời gian sống ly thân ông K đã tự ý chuyển nhượng cho con là Bùi Thị H vào năm 2017 và đã nhận số tiền là 100.000.000 đồng, nay bà chấp nhận việc chuyển nhượng và yêu cầu ông Bùi Xuân K chia cho bà ½ số tiền đã chuyển nhượng nêu trên là 50.000.000 đồng.

Về nợ chung: Quá trình chung sống chúng tôi có cho ông Trịnh Văn S và bà Nguyễn Thị V, địa chỉ: Thôn 2, xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vay số tiền 20.000.000 đồng; ông Trần Văn Q và bà Trần Thị L, địa chỉ: Thôn 10, xã S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vay số tiền 50.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn M, địa chỉ: Thôn 3, xã S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vay số tiền 50.000.000 đồng; ông Đinh Hồng L và bà Võ Thục U, địa chỉ: Thôn 3, xã S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vay số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 28-3-2019, bà Th đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về các khoản nợ chung này.

- Bị đơn ông Bùi Xuân K trình bày: Ông thừa nhận tình trạng hôn nhân và số tài sản chung và việc chuyển nhượng diện tích đất 1091m^2 như bà Th trình bày. Tuy nhiên về nợ chung ông K cho rằng trong thời gian sống ly thân ông có vay của ông Nghiêm Đắc Ng và bà Nguyễn Thị V trú tại thôn 14, xã S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 22 – 01 – 2018, mục đích để sinh hoạt trong gia đình, đầu tư vườn rẫy. Ngoài ra ông còn có vay của ông Phạm Đình C trú tại thôn 02, xã S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông số tiền 489.942.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch Đạo Ngh số tiền 200.000.000 đồng vào năm 2014, số tiền ông đã trả cho Ngân hàng cả gốc và lãi là 223.100.000 đồng, số tiền còn lại là tiền xác nhận nợ mua cám nuôi heo từ khoảng 2014 đến ngày xác nhận nợ là ngày 01-3-2018. Nay bà Th có đơn xin ly hôn ông đồng ý.

Về tài sản chung: Đối với diện tích 38.577m^2 và tài sản cây trồng găn liền trên đất ông thống nhất cho con trai là Bùi Quốc H 01 ha và thỏa thuận chia đôi diện tích còn lại và tài sản cây trồng găn liền trên đất có vị trí tứ cận theo biên bản thỏa thuận chia tài sản chung ngày 07 tháng 5 năm 2019 cụ thể như sau: Diện tích đất 01

ha cho con là Bùi Quốc H có vị trí, tứ cận: cạnh phía Nam giáp đất ông N; cạnh phía Bắc giáp đất ông K được chia; cạnh phía Đông giáp đường liên thôn; cạnh phía Tây giáp đất sình; Diện tích đất 14.288m^2 ông K được chia có vị trí, tứ cận: cạnh phía Nam giáp đất Bùi Quốc H được cho; cạnh phía Bắc giáp đất bà Th được chia; cạnh phía Đông giáp đường liên thôn; cạnh phía Tây giáp đất sình; Diện tích đất 14.288m^2 bà Thđược chia có vị trí, tứ cận: cạnh phía Nam giáp đất ông K được chia; cạnh phía Bắc giáp đất ông B và đất ông X; cạnh phía Đông giáp đường liên thôn; cạnh phía Tây giáp đất sình.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng đã nhận do chuyển nhượng diện tích đất cho con gái là Bùi Thị H đã chi phí trong gia đình hết nên không chấp nhận chia theo yêu cầu của bà Th. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K chấp nhận chia cho bà Th 40.000.000 đồng.

Về nợ chung: Ông yêu cầu bà Th phải có nghĩa vụ cùng ông trả nợ cho ông Nghiêm Đắc Ng và bà Nguyễn Thị V số tiền 150.000.000 đồng và trả cho ông Phạm Đình C số tiền 489.942.000 đồng theo quy định của pháp luật.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nghiêm Đắc Ng và bà Nguyễn Thị V trình bày:

Ngày 22-01-2018, ông có cho ông K vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích để sinh hoạt trong gia đình, đầu tư vườn rẫy. Khi vay hai bên có viết giấy tờ vay, ông K là người trực tiếp đứng ra vay và nhận tiền, bà Th không có mặt. Tôi cho rằng đây là các nợ chung của ông với bà Th trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu Tòa án buộc ông K, bà Th phải có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền là 150.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Ông Phạm Đình C trình bày:

Ngày 01-3-2018, ông K có vay của ông số tiền 200.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng và xác nhận nợ mua cám nuôi heo từ khoảng 2013 đến tháng 3 năm 2018 là 289.942.000 đồng, tổng cộng là 489.942.000 đồng, ông sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2019/HNGĐ-ST, ngày 19-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đăk Nông đã Quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Trần Thị Th với ông Bùi Xuân K là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Các con đã đến tuổi trưởng thành nên không đề cập giải quyết

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung giữa bà Trần Thị Th với ông Bùi Xuân K như sau:

3.1. Diện tích đất 38.577m^2 và tài sản cây trồng găn liền trên đất thửa số 11, tờ bản đồ số 64 theo giấy CNQSDĐ số BO 991647 cấp ngày 15/10/2013 đứng tên ông ông Bùi Xuân K và bà Trần Thị Th tọa lạc tại thôn 02, xã S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông các bên thống nhất:

3.1.1. Tặng cho con trai là Bùi Quốc H diện tích đất 01 ha và tài sản, cây trồng gắn liền trên đất có vị trí, tứ cận cụ thể như sau: Cạnh phía Bắc giáp đất ông

K được chia dài 427m; Cạnh phía Nam giáp đất bà Bùi Thị H dài 414,8m; Cạnh phía Đông giáp đường liên thôn dài 27,4m; cạnh phía Tây giáp đất sình dài 22m.

3.1.2. Chia cho ông Bùi Xuân K diện tích đất 14.288m^2 và tài sản, cây trồng gắn liền trên đất có vị trí, tứ cận cụ thể như sau: Cạnh phía Nam giáp đất anh Bùi Quốc H được chia 427m; Cạnh phía Bắc giáp đất bà Th được chia dài 388,8m; Cạnh phía Đông giáp đường liên thôn dài (11,3 + 6 + 44 + 10) m; Cạnh phía Tây giáp đất sình dài 25m.

3.1.3. Chia cho bà Trần Thị Th diện tích đất 14.288m^2 và tài sản, cây trồng gắn liền trên đất có vị trí, tứ cận cụ thể như sau: Cạnh phía Nam giáp đất ông K được chia dài 388,8m; Cạnh phía Bắc giáp đất ông Trần Văn Q dài (12,7 + 48,8 + 49,6 + 27,4 + 139,5) m; Cạnh phía Đông giáp đường liên thôn dài (4,7 + 18,3 + 22,47) m; Cạnh phía Tây giáp đất sình dài 24,03m.

(Có sơ đồ hiện trạng vị trí, diện tích đất nêu trên kèm theo, là một phần gắn liền với bản án có giá trị thi hành).

Ông K, bà Thvà anh Hoàng có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục tách thửa đối với diện tích đất được chia và tặng cho nêu trên theo quy định của pháp luật.

3.2. Ông Bùi Xuân K chấp nhận chia cho bà Trần Thị Th 40.000.000 đồng trong số tiền 100.000.000 đồng ông đã nhận do chuyển nhượng diện tích đất 1091m^2, thửa số 183, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại thôn 03, xã S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho con gái là Bùi Thị H vào năm 2017.

3. Về nợ: Buộc bà Trần Thị Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Bùi Xuân K ½ số tiền nợ ông K đã trả Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch xã Đạo Ngh là 111.550.000 đồng.

Buộc ông Bùi Xuân K phải có nghĩa vụ trả nợ cho cho ông Nghiêm Đắc Ng và bà Nguyễn Thị V số tiền 150.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả tiền theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28-11-2019, bị đơn ông Bùi Xuân K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng quyết định của Tòa án đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông và đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Bùi Xuân K xin thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ kháng cáo về phần phân chia tài sản và khoản nợ chung, không đồng ý với thỏa thuận phân chia tài sản vì bà Th bỏ đi từ năm 2014 đến nay, ông phải vay tiền đầu tư vào rẫy. Cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ không đúng, không đầy đủ cây trồng trên đất, cụ thể: hiện nay trên đất có gần 1.000 cây sưa, 300 cây mắc ca không thấy có trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; một số cây cà phê, cao su, chưa

ghi rõ năm tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Xuân K, hủy Bản án sơ thẩm số: 25/2019/HNGĐ-ST, ngày 19-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ về phần phân chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Xuân K; căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Tại phiên toà hôm nay, ông Bùi Xuân K là người kháng cáo có thay đổi yêu cầu kháng cáo chỉ yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét về phần phân chia tài sản, đối với phần hôn nhân và con chung ông không có yêu cầu kháng cáo nữa. Vì vậy, căn cứ theo Điều 298 của Bộ luật tố tụng dân sự việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông K là đúng quy định, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi này và đối với phần quan hệ hôn nhân, con chung có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2]. Đối với phần phân chia tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm có nhiều sai sót, vi phạm cụ thể:

[2.1]. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05-4-2019 thể hiện tài sản trên đất có 588 cây cao su kinh doanh, 250 cây cà phê kinh doanh năm thứ 3 trở lên, 700 cây cà phê trồng năm 2014 và 800 cây cà phê trồng năm 2017 cùng 01 căn nhà diện tích 05m x 08m, có kết cấu nền xi măng, tường xây lửng, vách ván, mái lợp tôn; 01 nhà kho 03m x 10m có kết cấu nền xi măng, vách ván, mái lợp tôn trên diện tích đất 38.570m^2. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm mới chỉ xác định giá trị đất do các bên thoả thuận là 1.543.000.000 đồng mà chưa định giá tài sản trên đất để xác định phần tài sản các bên được hưởng và để làm căn cứ tính án phí dân sự là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Sơ đồ đo đạc xác định, phần đất bà Th và ông K thống nhất cho con trai là anh Bùi Quốc H cũng như phần đất của bà Th, ông K không xác định rõ ràng số đo các cạnh, từng phần cụ thể là bao nhiêu; không xác định chính xác 02 căn nhà nằm ở vị trí nào, có nằm chồng lên phần đất của nhau hay không để buộc bên được hưởng các tài sản này phải di dời; biên bản đo đạc không thể hiện rõ cán bộ nào trực tiếp tiến hành việc đo đạc, ký tên, đóng dấu là sẽ ảnh hưởng lớn đến việc giải quyết vụ án và không thể thi hành được bản án sau này. Đồng thời ông K cho rằng còn gần 1.000 cây sưa, 300 cây mắc ca không thấy có trong biên bản xem xét

thẩm định tại chỗ; việc xem xét thẩm định tại chỗ chưa thể hiện hết tài sản trên đất cụ thể: số lượng một số cây cao su, cây cà phê không ghi năm tuổi trong biên bản xem xét thẩm định.

[2.3]. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản nợ của 04 người còn nợ bà Th và ông K tổng cộng 170.000.000 đồng nhưng Toà án cấp sơ thẩm không xem xét để đình chỉ trong bản án đối với việc rút yêu cầu này.

[2.4]. Ngày 06-8-2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nghiêm Đắc Ng và bà Nguyễn Thị V có đơn yêu cầu độc lập đối với số tiền ông K vay 150.000.000 đồng và đã nộp tạm ứng án phí 3.750.000 đồng nhưng khi giải quyết vụ án bản án sơ thẩm chưa thể hiện việc giải quyết đối với yêu cầu độc lập này là có chấp nhận hay không chấp nhận đơn yêu cầu độc lập, không xử lý đối với số tiền 3.750.000 đồng là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Ng và bà V.

[2.5]. Các tài liệu được lưu trong vụ án do các bên cung cấp đều là bản phô tô, không phải là bản chính hoặc sao y bản chính được công chứng, chứng thực là chưa đúng quy định tại Điều 95 của Bộ luật Tố tụng.

[2.6]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không lấy lời khai 04 người con chung của bà Th và ông K đều đã đến tuổi trưởng thành để làm rõ và đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đảm bảo đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Từ những sai sót trên đây, vi phạm của cấp sơ thẩm cấp phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Xuân K, huỷ bản án sơ thẩm số: 25/2019/HNGĐ-ST, ngày 19-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông về phần phân chia tài sản. Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân và con chung có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là phù hợp, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên ông Bùi Xuân K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông K 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Xuân K.

2. Hủy bản án sơ thẩm số: 25/2019/HNGĐ-ST, ngày 19-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân và con chung có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Bùi Xuân K 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên số 0003245 ngày 06-01-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Xuân Chiến